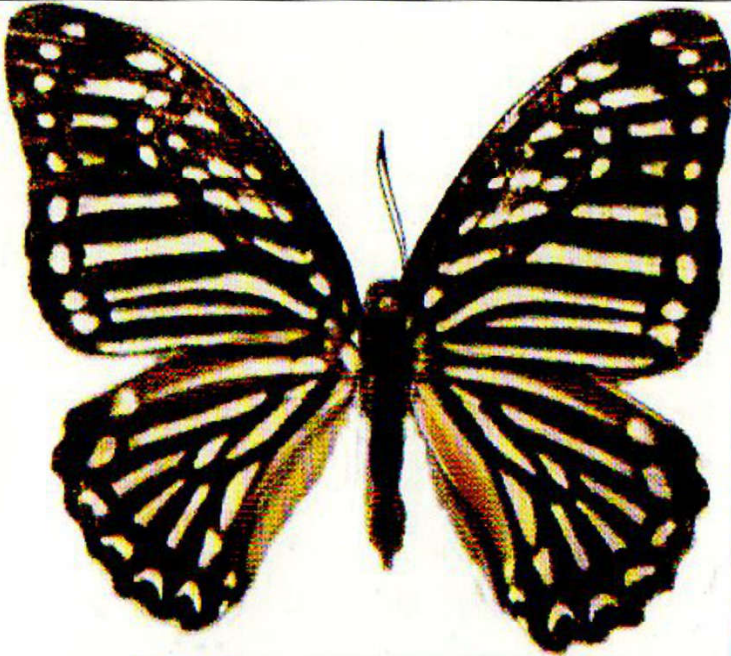

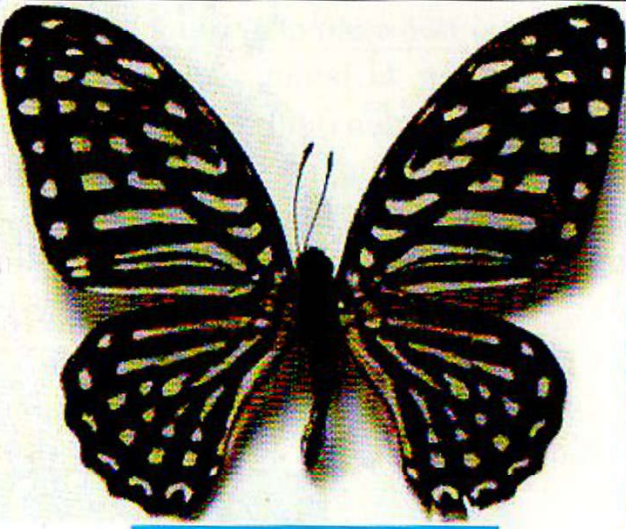












Họ PAPHILIONIDAE	Tên loài <i>Graphium macareus indicus</i>	Tác giả Rothschild
Tên tiếng Việt		Tên tiếng Anh Lesser Zebra
<p>Bướm đực, có màu nâu đen với các sọc và đốm trắng. Cánh trước có các sọc ở khoảng giữa gân cánh và ở trong ô cánh. Một hàng đốm trắng sát bờ cánh. Cánh sau có các sọc gần như tỏa ra từ gốc cánh. Các đốm sát bờ cánh có dạng hình liềm.</p> <p>Bướm cái không rõ.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Suối Đá Bàn, Phân trường 4.</p>		
		
<p>Sải cánh 80-90mm</p>		
Tháng thường gặp 3 - 6	Giờ thường gặp 9h - 14h	Môi trường sống 

Họ PAPHILIONIDAE	Tên loài <i>Graphium megarus</i>	Tác giả Fruhstorfer
Tên tiếng Việt		Tên tiếng Anh Spotted Zebra
<p>Bướm đực có màu nâu đậm với nhiều sọc ngắn và đốm màu trắng ở cánh trước hàng đốm sát bờ bên cánh tròn. Ở cánh sau, các sọc đứt đoạn – hàng đốm sát bờ hình liềm.</p> <p>Bướm cái không rõ.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ • Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Suối Đá Bàn, phân trường 4.</p>		
		
<p>Sải cánh 70-90 mm</p>		
Tháng thường gặp 3 - 6	Giờ thường gặp 10h - 14h	Môi trường sống 

Họ PAPILIONIDAE	Tên loài <i>Graphium doxon axion</i>	Tác giả C.&R.felder
Tên tiếng Việt Bướm hoa xanh	Tên tiếng Anh Common Jay	
<p>Bướm đực có nền cánh trước màu đen, đốm xanh biếc tạo thành mảng. Từ bờ trước đến bờ bên – ba hàng đốm – ở hàng giữa, các đốm có kích thước lớn tạo thành mảng. Cánh sau, ở vùng giữa, hàng đốm có kích thước lớn, sát bờ bên, các đốm nhỏ hơn.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ • Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Đường mòn lớn trong rừng.</p>	 <p>Mặt trước</p>  <p>Mặt sau</p> <p>Sải cánh 70-80mm</p>	
Tháng thường gặp cả năm	Giờ thường gặp 10h – 15h	Môi trường sống 

Họ PAPILIONIDAE	Tên loài <i>Graphium arycles arcyloides</i>	Tác giả Fruhstorfer
Tên tiếng Việt Bướm hoa xanh đốm nhỏ	Tên tiếng Anh Spotted Jay	
<p>Bướm đực có màu đen với các sọc dọc đốm màu xanh lá cây. Tương tự <i>Graphium agamemnon</i>, nhưng các sọc mảnh hơn và các đốm vùng giữa cánh cũng nhỏ hơn. Ở cánh sau đuôi cánh ngắn gần như không có.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: <p>Rừng Tân Phú: Đường mòn ven rừng.</p>	 <p>Mặt trước</p>  <p>Mặt sau</p> <p>Sải cánh 80-90mm</p>	
Tháng thường gặp 6 – 8	Giờ thường gặp 10h – 15h	Môi trường sống 

Họ PAPILIONIDAE	Tên loài <i>Graphium sarpedon luctatus</i>	Tác giả Fruhstorfer
Tên tiếng Việt Bướm chai xanh	Tên tiếng Anh Common Blue bottle	
 <p>Bướm đực có nền cánh màu đen với một băng gồm nhiều đốm lớn màu xanh kéo dài từ ngọn trước cánh trước đến ngọn sau cánh sau. Cánh sau có thêm một hàng đốm dạng liềm sát bờ bên cánh. Bướm cái tương tự bướm đực nhưng cánh rộng hơn và màu nhạt hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya và Australia. <p>Rừng Tân Phú: Vũng nước ven đường, suối.</p>	 <p>Sải cánh 90-95mm</p>	
Tháng thường gặp cả năm	Giờ thường gặp 9h – 15h	Môi trường sống 

Họ PAPILIONIDAE	Tên loài <i>Graphium aristeus</i>	Tác giả C.&R. felder
Tên tiếng Việt Bướm đuôi kiếm xích	Tên tiếng Anh Chain swordtail	
<p>Bướm đực màu trắng kem với nhiều sọc lớn màu đen. Ô cánh trước có năm mảng đen- từ bờ trước cánh kéo dài đến bờ sau- mảng 3-4 ngắn chỉ đến vùng giữa cánh. Bờ bên cánh đen, sát bờ có một hàng đốm trắng tạo thành đường đứt đoạn. Cánh sau có hai sọc đen dài - bờ bên nhuộm đen kể cả đuôi cánh - đốm sát bờ cánh hình liềm. Bướm cái tương tự bướm đực, nhưng tối màu hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ • Phân bố: Vùng Indo-Malaya và Australia. <p>Rừng Tân Phú: Ven suối, đường mòn ẩm.</p>	 <p>Sải cánh 70-80mm</p>	
Tháng thường gặp 3 - 10	Giờ thường gặp 9h – 15h	Môi trường sống 

Họ PAPILIONIDAE

Tên loài *Graphium xenocles kephisos*

Tác giả Fruhstorfer

Tên tiếng Việt

Tên tiếng Anh Great zebra

Bướm có nền cánh đen, đặc trưng bằng các sọc rộng màu trắng trong phớt hồng. Cánh trước và sau, các sọc trắng hồng xen kẽ các gân cánh và ở cả trong ô cánh. Sát bờ bên cánh có một hàng đốm trắng, ở cánh sau, đốm cánh này có dạng liềm. Ngọn sau cánh sau có đốm màu vàng.



Sải cánh 100-120mm

Bướm cái tương tự bướm đực, nhưng bướm cái có sọc trắng hẹp hơn

- Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ
- Phân bố: Lục địa Đông Nam Á (2).

Rừng Tân Phú: Ven suối phân trường 3.



Tháng thường gặp 3 - 8

Giờ thường gặp 10h - 15h

Môi trường sống

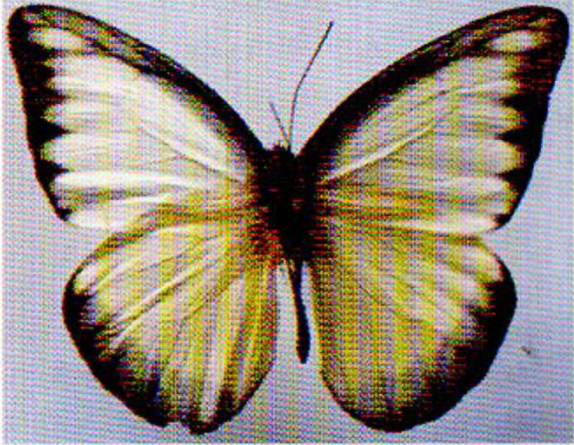
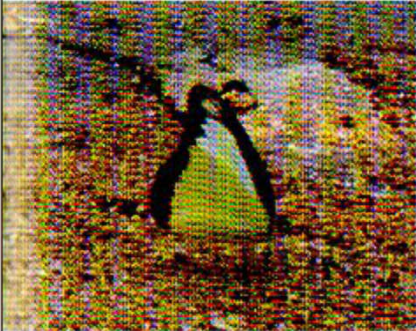



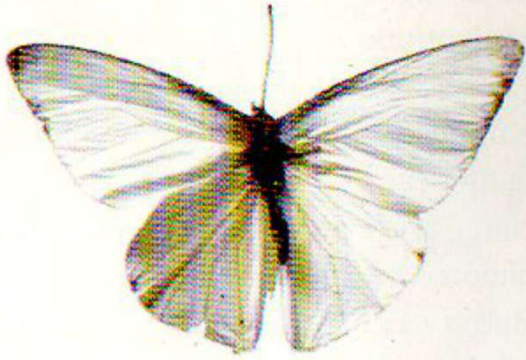
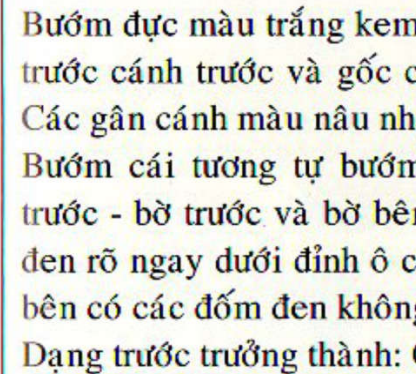

HỌ PIERIDAE



Họ gồm khoảng 1500 loài xuất hiện ở mọi vùng trên thế giới. Một số loài có hiện tượng di cư (đây cũng là lý do khiến bướm phân bố rộng). Kích thước thay đổi từ không quá 25mm gặp ở giống *Nathalis* (gặp ở châu Mỹ) cho đến khoảng 100mm ở giống *Hebomoia* (gặp ở Việt Nam). Ở Việt Nam đã phát hiện được 51 loài thuộc 17 giống.

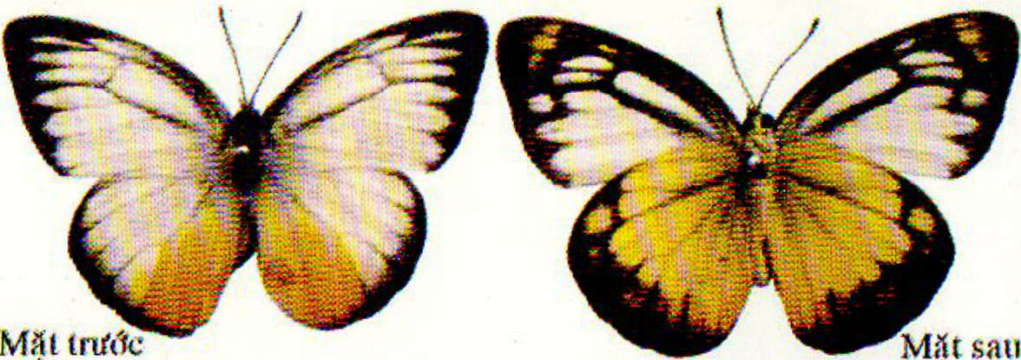

Bướm thường có màu nhạt từ trắng đến vàng, cam. Sâu non ăn nhiều họ cây khác nhau: Capparaceae, Leguminoseae, Loranthaceae, Brassicaceae... Sâu da trơn láng màu xanh nhạt. Nhộng chỉ có một chóp nhọn ở đầu, có đai tơ ở lưng. Đầu nhộng hướng xuống dưới (khác với nhộng bướm phượng).



Họ PIERIDAE	Tên loài <i>Appias lycnida vasava</i>	Tác giả Boisduval
Tên tiếng Việt Bướm nâu lớn	Tên tiếng Anh Common Albatross	
<p>Bướm đực có nền cánh trắng kem, các gân cánh gần bờ trước có màu tối, bờ bên viền đen dạng răng cưa. Cánh sau có màu vàng lợt với viền mờ và rộng hơn. Mặt dưới, bờ cánh có viền nâu nhạt rõ hơn, cánh sau màu vàng với bờ bên cánh viền nâu.</p> <p>Bướm cái có bờ cánh viền đen chiếm gần hết diện tích mặt cánh</p>		
	<ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Bướm cái đẻ trứng trên cây họ Caesalpinoideae. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). Rừng Tân Phú: Trắng cỏ ven đường vào, và các vũng nước nhỏ quanh suối. 	
Tháng thường gặp cả năm	Giờ thường gặp 8h – 16h	Môi trường sống 

Họ PIERIDAE	Tên loài <i>Appias albina darada</i>	Tác giả C.&R.Felder
Tên tiếng Việt Bướm nâu thông thường	Tên tiếng Anh White Albatross	
<p>Bướm đực màu trắng kem ở cả hai cánh, bờ trước cánh trước và gốc cánh hơi phớt nâu. Các gân cánh màu nâu nhạt, mảnh.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực nhưng cánh trước - bờ trước và bờ bên phớt đen - chấm đen rõ ngay dưới đỉnh ô cánh. Cánh sau, bờ bên có các đốm đen không liên tục.</p> <p>Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phân bố: Vùng Indo-Malaya và Australia. <p>Rừng Tân Phú: Đường mòn lớn.</p>		
	<ul style="list-style-type: none"> • Phân bố: Vùng Indo-Malaya và Australia. 	
Tháng thường gặp 1 - 9	Giờ thường gặp 9h – 14h	Môi trường sống 

Họ PIERIDAE	Tên loài <i>Appias libythea olferna</i>	Tác giả Swinhoe
Tên tiếng Việt Bướm nâu sọc		Tên tiếng Anh Striped Albatross
<p>Bướm đực có nền cánh màu trắng kem, ngọn sau cánh sát bờ bên cánh trước nhuộm đen. Ở cánh sau, ngọn sau cánh sát bờ bên cũng nhuộm đen nhưng không rõ.</p> <p>Bướm cái cánh hơi phớt vàng, với các vùng đen nhạt chiếm hầu hết cánh.</p> <ul style="list-style-type: none"> Dạng trước trưởng thành: Trứng màu lục nhạt hình bầu dục dài nhọn hai đầu, gắn đơn độc ở mặt dưới lá. Sâu dài 30-35mm hình trụ dài, màu xanh lá. Sâu ăn lá họ Capparaceae, mẫu thu được trên lá <i>Cleome chelidonii</i>. Nhộng dài 20-25mm màu xanh lá nhạt hơn sâu. Phân bố: 3. <p>Rừng Tân Phú: Vũng nước ven đường.</p>		 <p>Sải cánh 45-50 mm</p>
Tháng thường gặp 3 - 10	Giờ thường gặp 9h - 14h	Môi trường sống 

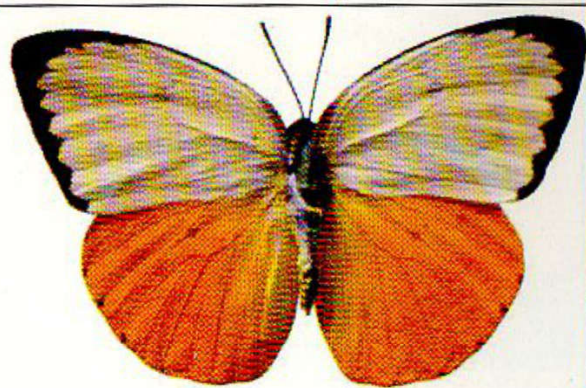
Họ PIERIDAE	Tên loài <i>Cepora indith lea</i>	Tác giả Doubleday
Tên tiếng Việt		Tên tiếng Anh The Orange Gull
<p>Bướm đực có nền cánh trắng kem, ngọn cánh trước và bờ bên nhuộm đen dạng răng cưa. Cánh sau, bờ bên cũng tô đen dạng răng cưa, bờ sau nhuộm vàng đến gần nửa cánh.</p> <p>Bướm cái có kích thước nhỏ hơn, phần đen chiếm gần hết nền cánh. Chúng thường tập trung thành bầy tại các vũng nước nhỏ ven đường cùng với các loài khác cùng họ Pieridae.</p> <ul style="list-style-type: none"> Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Vũng nước ven đường mòn.</p>	 <p>Mặt trước</p> <p>Mặt sau</p> <p>Sải cánh 45-55 mm</p>	
Tháng thường gặp 6 - 9	Giờ thường gặp 10h - 14h	Môi trường sống 

Họ PIERIDAE	Tên loài <i>Catopsila pomona pomona</i>	Tác giả Fabricius
Tên tiếng Việt Bướm chanh di cư		Tên tiếng Anh Lemon Emigrant
<p>Bướm đực dạng pomona có nền cánh vàng, ngọn trước cánh và bờ bên đen, có dạng răng cưa. Ngọn ô cánh có điểm đen nâu, bờ sau cánh sau có vài vệt đen đứt đoạn.</p> <p>Dạng hilari có nền cánh trắng xanh, ngọn cánh trước hơi nhuộm đen, gốc cánh phớt vàng.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực nhưng màu đậm hơn</p> <ul style="list-style-type: none"> Dạng trước trưởng thành: Trứng màu lục nhạt hình bầu dục gắn đơn độc ở mặt dưới lá, gần mép, không quá 5 trứng/1 lá. Sâu dài 35-40mm, hình trụ thon dài đều đặn màu xanh lá. Sâu ăn lá họ Caesalpinoideae, mẫu thu được trên lá <i>Cassia fistula</i>. Nhộng dài 20-25mm màu xanh lá hoặc hồng nhạt. Phân bố: 5a. <p>Rừng Tân Phú: Ven đường mòn.</p>		
Tháng thường gặp cả năm	Giờ thường gặp 9h – 15h	Môi trường sống <small>chưa biết</small>

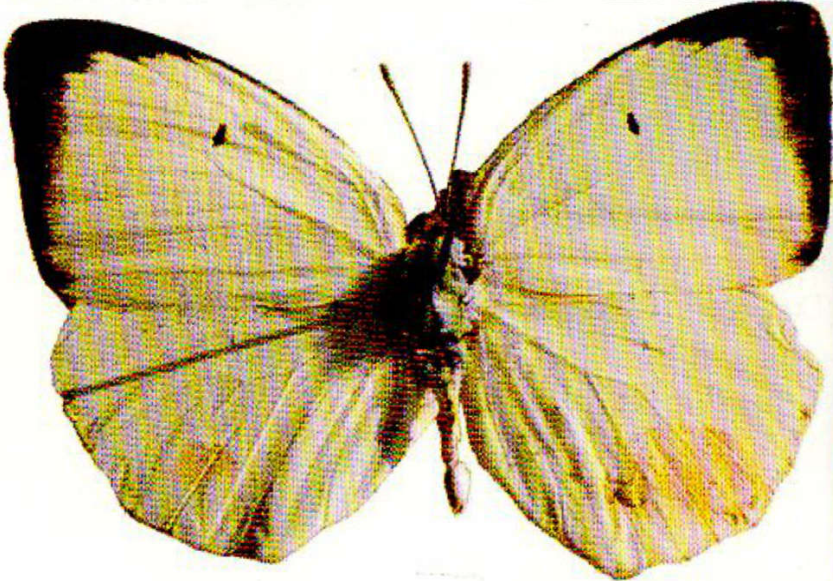
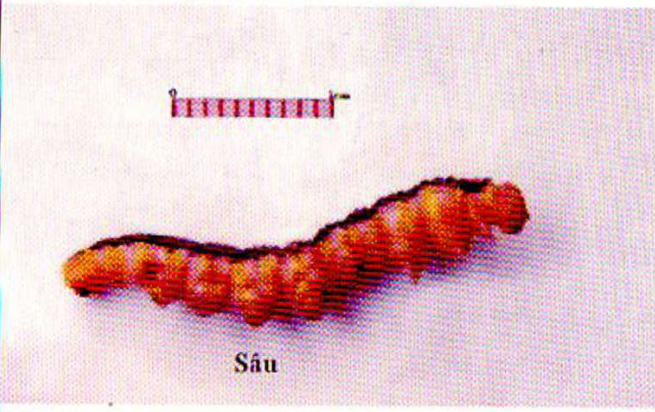
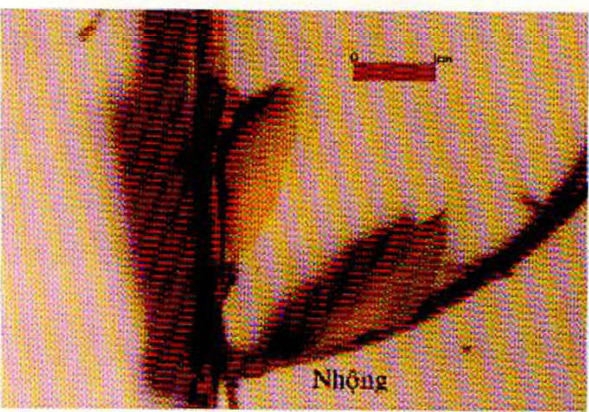



Sải cánh 65-75 mm

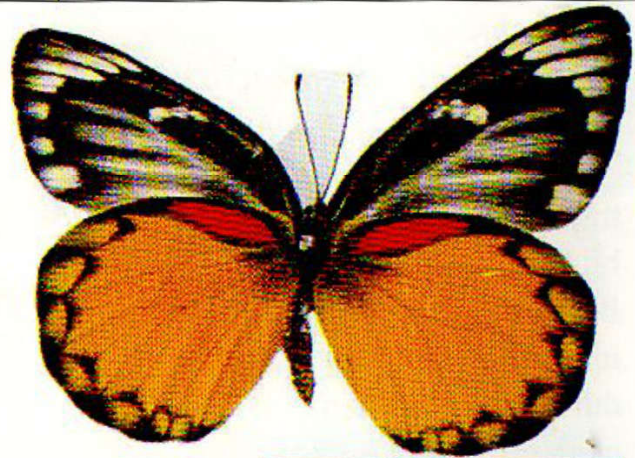
Họ PIERIDAE	Tên loài <i>Catopsila scylla cornelia</i>	Tác giả Fabricius
Tên tiếng Việt Bướm chanh nhỏ		Tên tiếng Anh Yellow Migrant
<p>Bướm đực có cánh trước màu trắng kem đến vàng nhạt, ngọn cánh trước và bờ bên tô đen. Cánh sau vàng nghệ, bờ cánh lốm đốm nâu.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực, các bờ cánh trước rõ và dày hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> Dạng trước trưởng thành: Sâu màu xanh. Sâu ăn trên lá họ Caesalpinoideae. Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Ven đường mòn.</p>		
Tháng thường gặp cả năm	Giờ thường gặp 8h – 16h	Môi trường sống <small>chưa biết</small>




Sải cánh 60-70 mm

Họ PIERIDAE	Tên loài <i>Catopsila pyranthe pyranthe</i>	Tác giả Linnaeus
Tên tiếng Việt Bướm nâu một chấm		Tên tiếng Anh Mottled Emigrant
<p>Bướm đực có nền cánh màu trắng xanh, một đốm đen ở cuối ô cánh trước. Một viền đen bao cả hai cánh.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực, nhưng màu lem hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> Dạng trước trưởng thành: Trứng màu vàng xanh, hình bầu dục ngắn gắn rời rạc ở mép lá từ 1 đến 3 trứng ở mặt dưới lá. Sâu dài 30-35mm hình trụ, thon dài, màu xanh lá mạ, mặt lưng sậm màu hơn sâu ăn lá họ Caesalpinoideae, mẫu thu được trên lá <i>Cassia siamea</i>, <i>Cassia alata</i>. Nhộng dài 20-25mm, màu sắc và hình dạng tương tự nhộng <i>Catopsila pomona pomona</i>. Phân bố: Vùng Indo-Malaya và Australia. <p>Rừng Tân Phú: Ven đường mòn.</p>		
		Sải cánh 60-70 mm
		
 <p>Sâu</p>		
 <p>Nhộng</p>		
Tháng thường gặp 4 - 8	Giờ thường gặp 10h - 14h	Môi trường sống YY

Họ PIERIDAE	Tên loài <i>Delias descombesi</i>	Tác giả Boisduval
Tên tiếng Việt Bướm phấn đốm đỏ	Tên tiếng Anh Red-spot Jezebel	
<p>Bướm đực có cánh màu trắng kem, bờ cánh được bao bởi viền đen. Mặt dưới, cánh trước nhuộm đen với các mảng trắng gần bờ cánh, cuối ô cánh có các đốm dính nhau tạo thành mảng màu trắng; cánh sau có màu vàng tươi, bờ trên cánh có một mảng màu đỏ.</p> <p>Bướm cái có cánh trước có màu xám đen với các đốm trắng chạy dọc theo bờ cánh, cánh sau có một mảng màu đen bao quanh bờ cánh. Mặt dưới tương tự bướm đực nhưng sậm màu hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Rừng tái sinh phân trường 1.</p>		
Tháng thường gặp 3 – 9	Giờ thường gặp 10h – 14h	Môi trường sống 



Sải cánh 65-70 mm

Họ PIERIDAE	Tên loài <i>Delias hyparete indica</i>	Tác giả Wallace
Tên tiếng Việt Bướm cánh viền đỏ	Tên tiếng Anh The Painted Jezebel	
<p>Bướm đực có nền cánh trắng kem – gân cánh nhuộm đen – lan dần đến ngọn trước cánh. Ở cánh sau, gốc cánh vàng lan đến vùng giữa cánh, bờ bên cánh đỏ cam. Gân cánh cũng nhuộm đen nhưng mảnh hơn. Bướm cái tương tự bướm đực nhưng phần gân cánh tô đen dày hơn.</p> <p>Trứng màu vàng chanh, tròn đều, kết thành mảng 30 – 50 trứng (có khi lên đến 90 trứng) ở mặt dưới lá. Sâu dài 30 – 35mm, hình trụ tròn đều, màu vàng nhạt, sâu ăn lá họ Loranthaceae. Nhộng dài 18 – 24mm, màu vàng chanh sậm hơn sâu.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Khoảng trống ven suối.</p>		
Tháng thường gặp 3 – 8 & 12	Giờ thường gặp 9h – 14h	Môi trường sống 



Sải cánh 65-70 mm

Họ PIERIDAE

Tên loài *Hebomoia glaucippe glaucippe*

Tác giả Linnaeus

Tên tiếng Việt Bướm trắng lớn

Tên tiếng Anh Giant Orange Tip

Bướm đực có màu trắng kem, cánh trước có mảng đen rộng ở ngọn trước, ở trong chứa mảng màu đỏ cam. Cánh sau trắng kem với vài điểm đen ở bờ bên cánh.

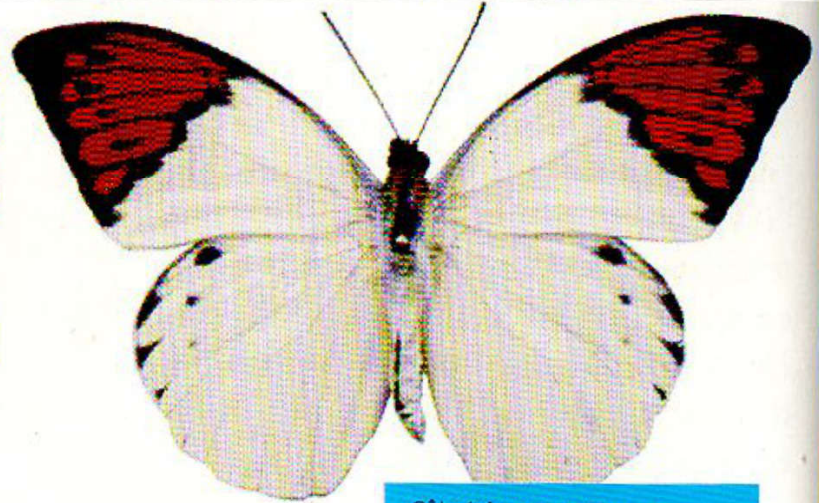
Bướm cái tương tự bướm đực, mảng đỏ cam ở cánh trước đứt đoạn, đốm đen ở bờ bên cánh sau gồm hai hàng đốm.

- Dạng trước trưởng thành:

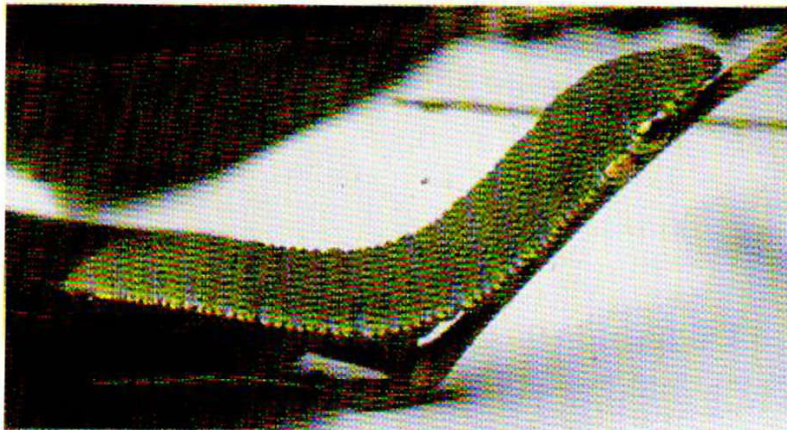
Trứng có màu vàng cam, hình trụ nhọn ở hai đầu và thường dính đơn độc ở mặt trên lá. Sâu có màu xanh, có một hàng đốm màu cam nhỏ chạy dọc theo hai bên hông, các đốm đen nhỏ phân bố rải rác trên lưng, đốm thứ 2 có một đốm màu xanh tím lớn, sâu thường dựng đầu lên cao khi bị đụng vào, sâu dài khoảng 42mm. Sâu ăn trên cây búp - *Crataeva religiosa* và cây cáp - *Capparis moonii*. Nhộng có màu xanh, dài khoảng 28mm, nhọn ở hai đầu, có một sợi tơ ở đai, đầu hướng lên trên.

- Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3).

Rừng Tân Phú: Ven suối phân trường 3, 4.





Sải cánh 75-95 mm





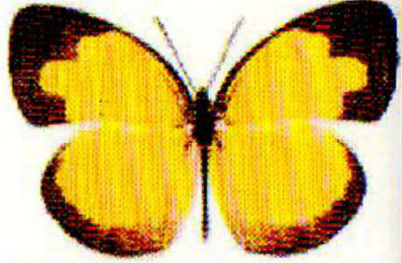
Tháng thường gặp cả năm

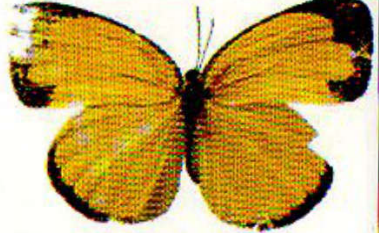
Giờ thường gặp 9h - 14h

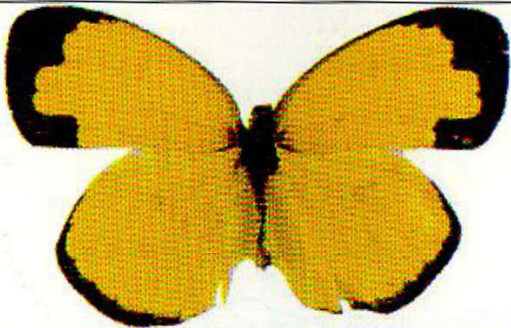
Môi trường sống 

Họ PIERIDAE	Tên loài <i>Ixias pyrene verna</i>	Tác giả H.Druce
Tên tiếng Việt Bướm vàng cam		Tên tiếng Anh Yellow Orange Tip
<p>Bướm đực có nền cánh trắng kem, bờ trước cánh trước, ngọn cánh và bờ bên tô đen, mảng đen ở ngọn cánh to và lan rộng đến nửa diện tích cánh. Lông trong mảng đen là mảng màu vàng nghệ. Bờ bên cánh sau có một mảng đen mỏng hơn.</p> <p>Bướm cái gần giống như bướm đực nhưng phần mảng đen lan rộng, mảng vàng ở ngọn cánh đứt đoạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ • Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Trảng cây bụi ven đường mòn.</p>		 <p>Sải cánh 45-55 mm</p>
Tháng thường gặp 1 & 5 - 12	Giờ thường gặp 8h - 15h	Môi trường sống YT

Họ PIERIDAE	Tên loài <i>Pareronia anais anais</i>	Tác giả Lesson
Tên tiếng Việt		Tên tiếng Anh The Wanderer
<p>Bướm đực có màu trắng xanh, gân cánh được tô đen. Ở cánh trước, bờ trước và bờ bên được tô đen, sát bờ bên có hàng đốm không liên tục. Cánh sau bờ bên tô đen.</p> <p>Ở bướm cái, các gân tô đen đậm hơn, nhiều sọc trắng xanh trong ô cánh và dưới ô cánh, hoặc tua ra từ gốc cánh sau. Mảng đốm sát bờ bên liên tục hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ • Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Trảng cây bụi ven đường mòn.</p>		 <p>Sải cánh 70-75 mm</p>
Tháng thường gặp cả năm	Giờ thường gặp 8h - 15h	Môi trường sống 

Họ PIERIDAE	Tên loài <i>Eurema andersonii andersonii</i>	Tác giả Moore
Tên tiếng Việt Bướm cánh vàng một chấm	Tên tiếng Anh One Spot Grass Yellow	
<p>Bướm nhỏ, nền cánh màu vàng nghệ. Ngọn cánh và bờ bên viền đen dày, viền đen lõm dạng hình vuông vào các vị trí đầu gân cánh số 2-4 và 7. Cánh sau bờ bên viền đen mỏng. Mặt dưới cánh, các chấm nâu thường kết dính lại.</p> <p>Bướm cái có viền đen dày hơn ở cánh sau.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ • Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Ven đường mòn, dọc suối.</p>		 <p>Sải cánh 35-40 mm</p>
Tháng thường gặp cả năm	Giờ thường gặp 8h – 15h	Môi trường sống <small>ch, ch, ch</small>

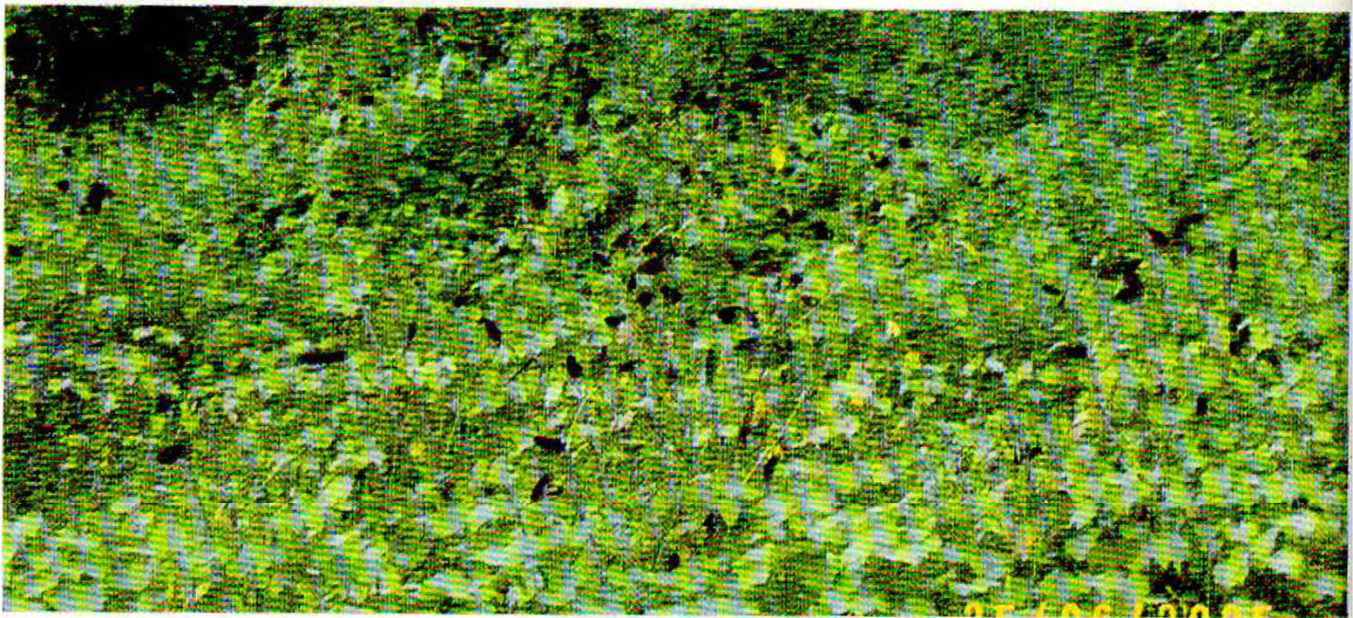
Họ PIERIDAE	Tên loài <i>Eurema blanda silhetana</i>	Tác giả Wallace
Tên tiếng Việt Bướm cánh vàng 3 chấm	Tên tiếng Anh Three Spot Grass Yellow	
<p>Bướm đực tương tự như <i>Eurema andersonii</i>, nhưng viền đen cánh trước mỏng hơn, chỗ lõm của viền đen tròn.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực, nhưng kích thước lớn hơn, viền đen phần ngọn cánh dày hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya và Australia. <p>Rừng Tân Phú: Ven đường mòn, dọc suối, thường tập trung theo từng đàn.</p>		 <p>Sải cánh 35-40 mm</p>
Tháng thường gặp cả năm	Giờ thường gặp 9h – 15h	Môi trường sống <small>ch, ch, ch</small>

Họ PIERIDAE	Tên loài <i>Eurema hecabe contubernalis</i>	Tác giả Moore
Tên tiếng Việt Bướm cánh vàng viền đen	Tên tiếng Anh Common Grass Yellow	
<p>Bướm đực có kích thước lớn, màu vàng nghệ tương tự như <i>Eurema andersonii</i> nhưng viền đen ở ngọn cánh và bờ bên mỏng hơn.</p> <p>Mặt dưới, các chấm nâu rời rạc, xếp đều trên mặt cánh.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực, viền đen dày hơn ở cánh sau.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya và Australia. <p>Rừng Tân Phú: Ven đường mòn lớn.</p>		 <p>Sải cánh 40-45 mm</p>
Tháng thường gặp cả năm	Giờ thường gặp 9h – 15h	Môi trường sống <small>ch, ch, ch</small>

HỌ DANAIDAE

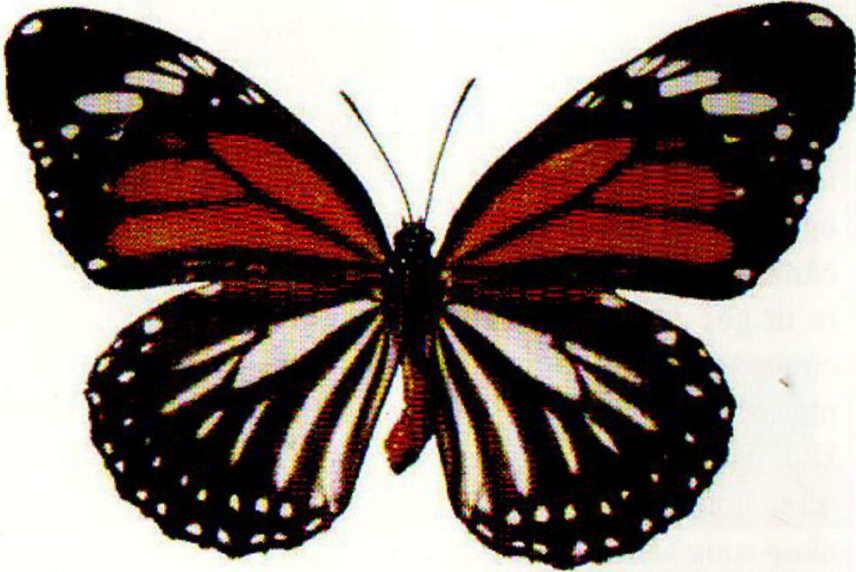

Họ có khoảng 300 loài, chiếm ưu thế ở vùng xích đạo và cận xích đạo. Bướm có kích thước từ 50mm – 180mm. Bướm có màu sắc thay đổi từ sặc sỡ (đỏ cam, xanh như *Tirumala* sang nâu – đen nhưng ở *Euploea* hoặc trắng – xanh ở *Parantica*, *Idea*).



Trứng thường đẹp, nhiều sọc nổi bật. Sâu trăn lóng, có sọc ngang, có 2 – 4 đôi tơ hình ống. Sâu có độc, độc chất có nguồn gốc từ cây chủ của sâu (Asclepiadaceae và Apocynaceae). Nhộng hình thừng, treo lơ lửng giữa đuôi bằng tơ – đầu chúi xuống đất.



<p>Họ DANAIDAE</p> <p>Tên tiếng Việt Bướm hổ vằn</p> <p>Tên tiếng Anh Striped Tiger</p> <p>Bướm có màu nâu-cam với các đốm trắng tập trung ở ngọn và bờ cánh. Gân cánh tô đen. Ở cánh trước, ngọn cánh trước đen với các đốm trắng kết thành mảng, sát bờ bên có các đốm trắng nhỏ tạo thành đường rời rạc. Ở cánh sau, đốm trắng nhỏ tạo thành hai đường sát bờ bên cánh.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực, nhưng không có dấu hiệu giới tính trên gân số 2 cánh sau.</p> <ul style="list-style-type: none"> Dạng trước trưởng thành: Trứng màu trắng kem, hình cầu, đính đơn độc ở mặt dưới lá, ở ngọn lá hoặc sát mép. Sâu dài 35-40mm màu tím than, với các đốm màu mỡ gà rải đều khắp thân, sâu ăn lá họ <i>Asclepiadaceae</i>, mẫu thu được trên lá <i>Raphistemma hooperianum</i>. Nhộng dài 30-35mm màu xanh ngọc. <p>Phân bố: Vùng Indo-Malaya và Australia. Rừng Tân Phú: Trắng cỏ, ven đường mòn chính.</p>	<p>Tên loài <i>Danaus genutia genutia</i></p> <p>Tác giả Cramer</p>	
		
<p>Sâu cánh</p>	<p>80-95mm</p>	
 <p>Sâu</p>	 <p>Nhộng</p>	
<p>Tháng thường gặp cả năm</p>	<p>Giờ thường gặp 9h - 14h</p>	<p>Môi trường sống YY</p>

Họ DANAIIDAE	Tên loài <i>Danaus chrysippus chrysippus</i>	Tác giả Linnaeus
Tên tiếng Việt		Tên tiếng Anh Plain Tiger
<p>Bướm có màu nâu cam ngả sang vàng, gân cánh không nhuộm đen. Các đốm trắng nhỏ sát bờ cánh không liên tục. Vùng giữa cánh sau có 3-4 đốm đen.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực.</p> <ul style="list-style-type: none"> Dạng trước trưởng thành: Trứng màu vàng hình cầu đẹp gắn đơn độc ở mặt dưới lá. Sâu dài 35-40mm màu xám trắng, hình trụ dài. Sâu ăn lá họ Asclepiadaceae, mẫu thu được trên lá <i>Calotropis gigantea</i>. Phân bố: 4. Rừng Tân Phú: Trảng cỏ, ven đường mòn chính. 		
		<p>Sải cánh 70-80mm</p>
 <p>Sâu</p>		 <p>Nhộng</p>
Tháng thường gặp 4 - 10	Giờ thường gặp 9h - 14h	Môi trường sống 

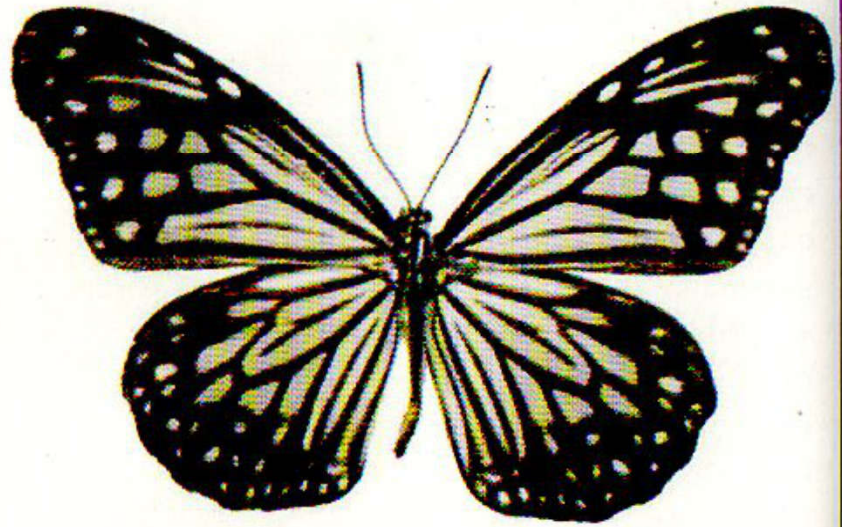
Họ DANAIDAE	Tên loài <i>Danaus melanippus hegesippus</i>	Tác giả Cramer
Tên tiếng Việt		Tên tiếng Anh White tiger
<p>Bướm tương tự như <i>Danaus genutia</i> nhưng viền đen ở bờ cánh sau lớn, chiếm tới vùng giữa cánh. Khoảng giữa hai gân màu trắng.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). Rừng Tân Phú: Ven suối từ cầu Tư Đồng đến suối Đá Bàn. 		
		
<div style="background-color: #00aaff; color: white; padding: 5px; display: inline-block;">Sải cánh 80-90mm</div>		
Tháng thường gặp 5 - 9	Giờ thường gặp 10h - 14h	Môi trường sống 

Họ DANAIDAE	Tên loài <i>Parantica agleoides aegleoides</i>	Tác giả C.&R. Felder
Tên tiếng Việt		Tên tiếng Anh Dark glassy tiger
<p>Bướm có nền cánh màu đen với các đốm vàng sọc trắng. Tương tự như <i>Parantica aegleoides</i>, nhưng kích thước các sọc mảnh hơn, các đốm cũng nhỏ hơn.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Rừng Tân Phú: Trảng cây bụi ven đường mòn lớn. Chúng thường tập trung thành bầy cùng với các loài của giống <i>Euploea</i>. 		
		
<div style="background-color: #00aaff; color: white; padding: 5px; display: inline-block;">Sải cánh 65-75 mm</div>		
Tháng thường gặp 4 - 12	Giờ thường gặp 9h - 14h	Môi trường sống 

Họ DANAIIDAE	Tên loài <i>Parantica aglea melanoides</i>	Tác giả Moore
--------------	--	---------------

Tên tiếng Việt Bướm hổ đốm	Tên tiếng Anh Glassy Blue Tiger
----------------------------	---------------------------------

Bướm có màu nâu đen, với các đốm và sọc trắng. Ở cánh trước có bốn sọc tỏa ra từ gốc cánh (2 sọc trong ô cánh và 2 sọc ngoài ô cánh) sát bờ sau cánh. Cánh sau, 7 sọc tỏa ra từ gốc cánh (2 trong ô cánh, 1 ở phía trên và 4 ở phía dưới ô cánh). Các khoảng còn lại, các đốm trắng lớn, nhỏ xếp thành hàng song song với bờ bên cánh.



Bướm cái tương tự bướm đực, nhưng không có dấu hiệu giới tính ở gân số 2 cánh sau.



Sải cánh 80-90mm



- Dạng trước trưởng thành: Trứng màu trắng ngà, hình cầu hơi cao dính đơn độc mặt dưới lá, sâu dài 30-35mm màu tím nhạt với các đốm màu vàng chanh rải đều trên mặt các đốt. Sâu ăn lá họ Asclepiadaceae, mẫu thu được trên lá *Raphistemma hooperianum*. Nhộng dài 25-30mm màu xanh ngọc.



- Phân bố: Lục địa Đông Nam Á (2).
Rừng Tân Phú: Trảng cỏ; ven suối, đường mòn chính.

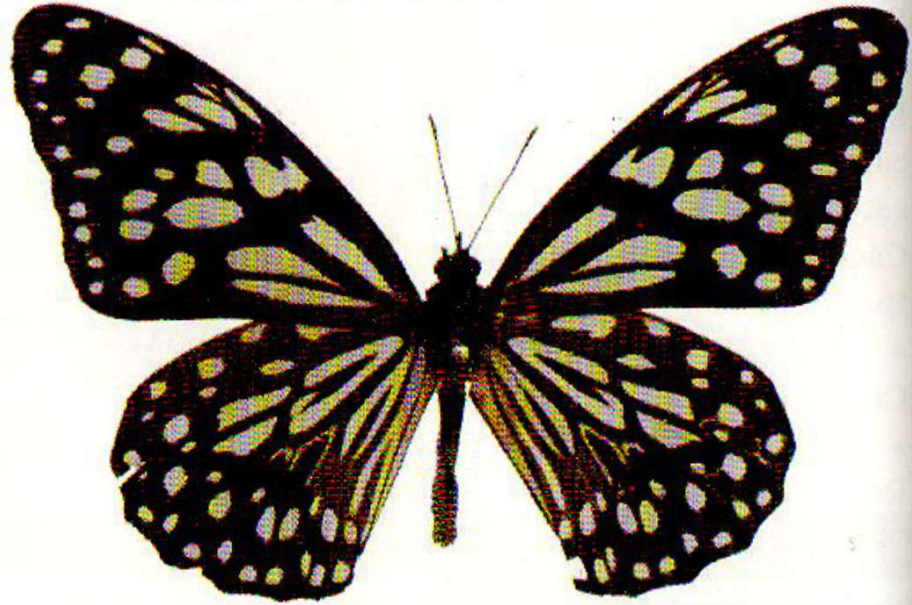
Tháng thường gặp 1 & 5 - 12	Giờ thường gặp 9h - 15h	Môi trường sống
-----------------------------	-------------------------	-----------------

Họ DANAIDAE	Tên loài <i>Parantica aspasia aspasia</i>	Tác giả Fabricius
Tên tiếng Việt		Tên tiếng Anh Yellow glassy tiger
<p>Bướm có màu nâu đen, gốc cánh nhuộm vàng với các sọc và đốm trắng. Ở cánh trước, sọc ngoài ô cánh kết thành mảng. Ở cánh sau, các sọc kết thành mảng màu vàng. Các đốm nhỏ sát bờ cánh không rõ. Bướm cái tương tự bướm đực.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Ven đường mòn, suối. Rừng hỗn giao.</p>		 <p>Sải cánh 70-80 mm</p>
Tháng thường gặp cả năm	Giờ thường gặp 9h – 14h	Môi trường sống 

Họ DANAIDAE	Tên loài <i>Tirumala septentrionis septentrionis</i>	Tác giả Butler
Tên tiếng Việt Bướm đốm xanh		Tên tiếng Anh Dark blue tiger
<p>Bướm có nền cánh ngả màu xanh dương. Cánh trước có các đốm và sọc trắng, một sọc trong ô cánh và một sọc dưới ô cánh, nhiều đốm trắng nhỏ-lớn xếp thành hàng song song với bờ bên cánh. Cánh sau nhiều sọc tỏa ra từ gốc cánh, các sọc rất mảnh, các đốm trắng xếp thành hàng song song với bờ bên.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya và Australia. <p>Rừng Tân Phú: Trảng cỏ, ven đường mòn chính.</p>		 <p>Sải cánh 90-130mm</p>
Tháng thường gặp cả năm	Giờ thường gặp 8h – 15h	Môi trường sống 

Họ DANAIDAE	Tên loài <i>Tirumala limniace</i>	Tác giả Cramer
Tên tiếng Việt		Tên tiếng Anh Blue Tiger

Bướm có màu nâu đen với các đốm và sọc màu xanh ngọc nằm rải rác ở cả hai cánh. Các đốm lớn tập trung ở vùng giữa cánh, các thanh lớn chạy ra từ gốc cánh. Các đốm nhỏ chạy dọc theo bờ cánh thành hai đường song song bao cả hai cánh.



Sải cánh 95 - 105mm

Mặt dưới bướm tương tự mặt trên nhưng có màu sáng hơn.

- Dạng trước trưởng thành: Trứng màu vàng lợt, hình cầu hơi cao, phân bố rải rác khắp mặt lá, sâu dài 40 - 45mm hình trụ dài màu trắng với các khoanh sậm màu xen kẽ; sâu có 4 gai thịt, 2 gai nằm ở phần đầu và 2 gai còn lại ở đốt thứ 10. Sâu ăn lá họ Apocynaceae. Nhộng dài 22 - 25mm, màu xanh ngọc với các đốm sáng màu kim loại.
- Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3).

Rừng Tân Phú: Thường tập trung thành bầy lớn với các loài cùng họ ven đường mòn lớn.



Sâu tuổi 4




Nhộng

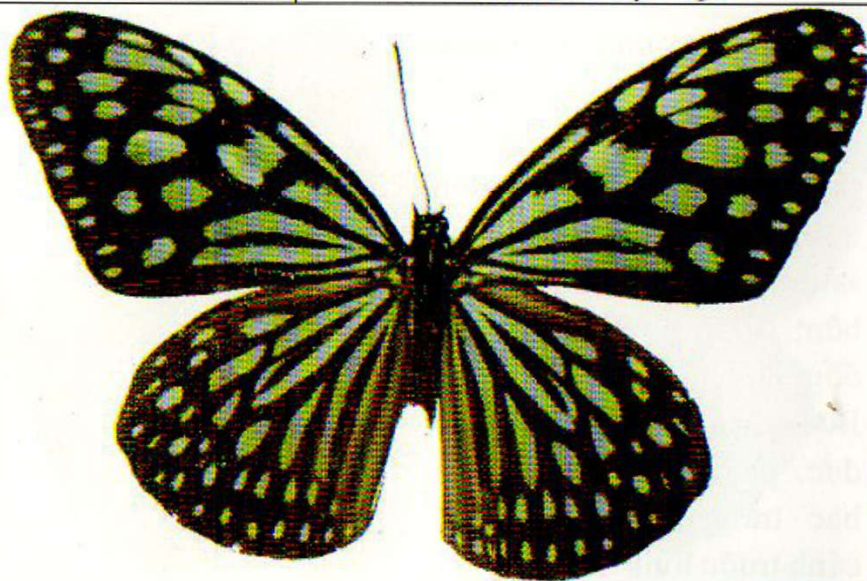
Tháng thường gặp 5 - 8 & 12

Giờ thường gặp 9h - 12h


Môi trường sống

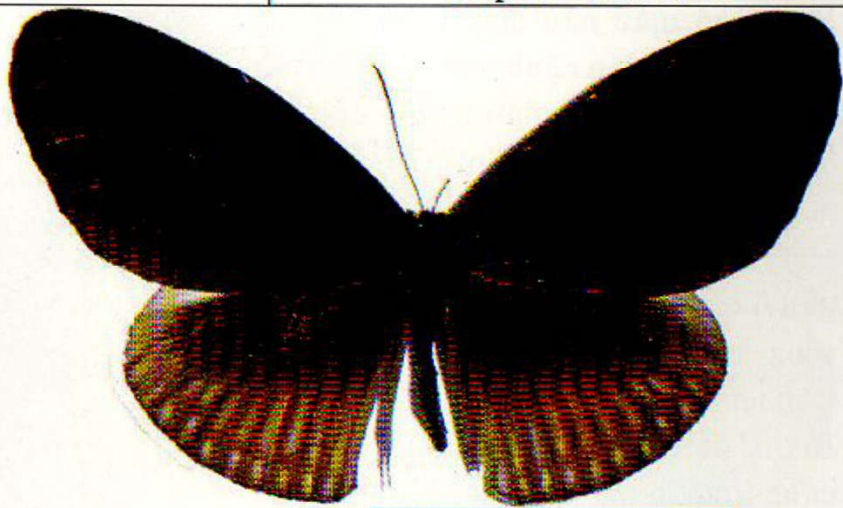


Họ DANAIDAE	Tên loài <i>Ideopsis vulgaris</i>	Tác giả Butler
Tên tiếng Việt		Tên tiếng Anh Blue Glassy Tiger
<p>Bướm có màu xám tối. Cánh trước có 4 thanh lớn chạy ra từ gốc cánh, với các đốm lớn màu xanh ngọc tập trung ở vùng giữa và ngọn cánh, một hàng đốm nhỏ chạy dọc theo viền cánh. Cánh sau, có 4 thanh chạy ra từ gốc cánh với các đốm nhỏ tạo thành hai hàng đốm sát bờ bên.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Trắng cỏ, ven đường mòn chính.</p>		
Tháng thường gặp 3 & 9 - 12	Giờ thường gặp 10h - 14h	Môi trường sống 




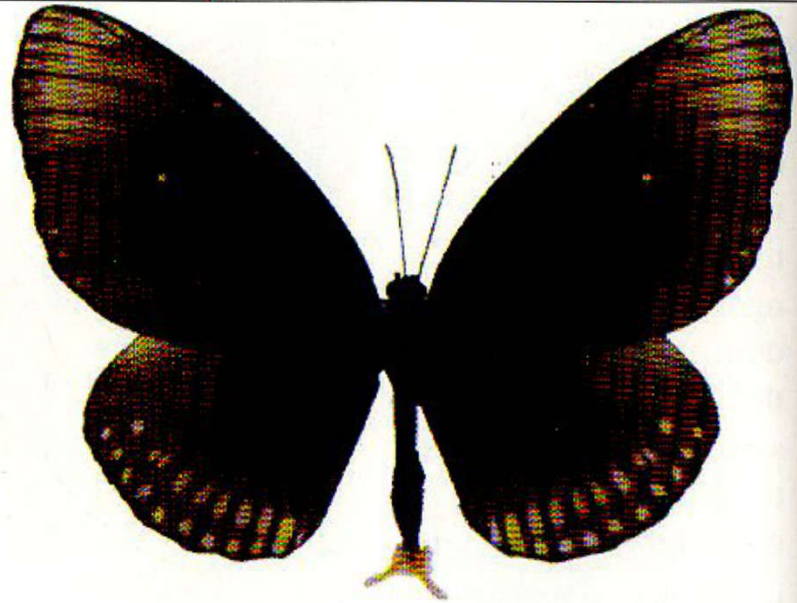
Sải cánh **85-90mm**

Họ DANAIDAE	Tên loài <i>Euploea eyndhovii</i>	Tác giả Felder & Felder
Tên tiếng Việt		Tên tiếng Anh Striped Black Crow
<p>Bướm có màu nâu tối. Cánh sau, vùng ngọn cánh có màu xám trắng, sát bờ cánh có các sọc và chấm màu trắng mờ. Mặt dưới, ở cánh trước có vài đốm nhỏ ở vùng giữa cánh.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực nhưng bờ sau cánh trước bằng hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Ven đường mòn chính, khu vực rừng thường xanh.</p>		
Tháng thường gặp 3 & 7 - 9	Giờ thường gặp 9h - 14h	Môi trường sống 




Sải cánh **90-95mm**

Họ DANAIDAE	Tên loài <i>Euploea Core godartii</i>	Tác giả Lucas
Tên tiếng Việt Bướm nâu Ấn Độ	Tên tiếng Anh Common indian crow	
<p>Bướm có màu nâu tối. Ngọn cánh trước bạc trắng, có một hàng chấm nhỏ sát bờ bên (không liên tục), vài đốm trắng ở ngọn ô cánh. Cánh sau có hai hàng đốm sát bờ bên; ở hàng bên trong, các đốm thon dài hơn.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực, phần ngọn cánh trước bạc trắng hơn và bờ sau cánh trước lõm.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya và Australia. <p>Rừng Tân Phú: Trắng cỏ, ven đường mòn chính.</p>		
Tháng thường gặp cả năm	Giờ thường gặp 8h – 14h	Môi trường sống 






Sải cánh 90-95mm



Họ DANAIDAE	Tên loài <i>Euploea crameri bremeri</i>	Tác giả C.&R. Felder
Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh Spotted black crow	
<p>Bướm có màu nâu đen. Các đốm lớn tập trung ở ngọn cánh trước, sát bờ bên có hàng đốm nhỏ màu trắng liên tục, hàng trong gồm ba đốm lớn hơn, tiếp nối với các đốm ở ngọn cánh, vùng giữa cánh có hai đốm trắng nhỏ nằm gần ô cánh. Cánh sau có hai hàng đốm song song với bờ bên, các đốm đều tròn như nhau.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực, bờ sau cánh trước lõm.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Khu vực rừng dầu ven đường vào Thác Mai.</p>		
Tháng thường gặp 5 – 8 & 12	Giờ thường gặp 9h – 12h	Môi trường sống 





Sải cánh 80-90mm

Họ DANAIDAE	Tên loài <i>Euploea radamanthus radamanthus</i>	Tác giả Fabricius
Tên tiếng Việt Bướm quạ lớn		Tên tiếng Anh Magpie crow
<p>Bướm có màu xanh nhưng ánh tím. Cánh trước với các mảng trắng ở vùng giữa cánh sát bờ trước, rải rác có vài chấm ở ngọn trước. Cánh sau có các sọc màu trắng dưới ô cánh tỏa ra từ gốc cánh, rải rác có vài đốm trắng tím.</p> <p>Ở cánh trước bướm cái, các đốm trắng ngoài mảng vùng giữa cánh có kích thước to hơn. Ở cánh sau, trong ô cánh có các sọc trắng.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Trắng cổ, ven đường mòn chính.</p>		 <p>Sải cánh 80-90mm</p>
Tháng thường gặp cả năm	Giờ thường gặp 9h - 14h	Môi trường sống 

Họ DANAIDAE	Tên loài <i>Euploea klugii erichsonii</i>	Tác giả C.&R. Felder
Tên tiếng Việt		Tên tiếng Anh
<p>Bướm có màu nâu đen. Ở cánh trước, gốc cánh ánh xanh, ngọn cánh trước có vài đốm trắng lớn, hàng đốm sát bờ bên liên tục. Cánh sau, hai hàng đốm nhỏ sát bờ bên.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực, các đốm ở ngọn cánh rời rạc, bờ sau cánh trước phẳng.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Tập trung theo bầy cùng với các loài cùng giống <i>Euploea</i> tại khu vực đường mòn vào Thác Mai.</p>		 <p>Sải cánh 80-95 mm</p>
Tháng thường gặp 4 - 7 & 12	Giờ thường gặp 10h - 14h	Môi trường sống 

Họ DANAIDAE	Tên loài <i>Euploea modesta</i>	Tác giả Butler
Tên tiếng Việt		Tên tiếng Anh Blue Spotted Crow
<p>Bướm có màu nâu nhung, gốc cánh màu biếc xanh. Ở cánh trước, đốm trắng mờ ở ngọn ô cánh. Cánh sau có hai hàng đốm trắng sát bờ bên, hàng đốm trong thon dài hơn.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực, bờ sau cánh trước phẳng.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Trảng cây bụi, rừng thứ sinh ven đường vào Thác Mai.</p>		
		
Sải cánh 80-90 mm		
Tháng thường gặp 1 & 6 - 12	Giờ thường gặp 10h - 14h	Môi trường sống 

Họ DANAIDAE	Tên loài <i>Euploea sylvester harrisii</i>	Tác giả C. & R. Felder
Tên tiếng Việt		Tên tiếng Anh Double Branded Crow
<p>Bướm có màu nhung nâu đen. Cánh trước màu biếc xanh, hàng đốm sát bờ bên, hai sọc trắng mờ song song nhau trong khoảng một. Cánh sau nâu đen, không biếc xanh, hai hàng đốm trắng sát bờ tròn đều.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya và Australia. <p>Rừng Tân Phú: Khu vực rừng ẩm, rừng thứ sinh.</p>		
		
Sải cánh 80-95 mm		
Tháng thường gặp 1 & 5 - 7 & 12	Giờ thường gặp 10h - 14h	Môi trường sống 

Họ DANAIIDAE	Tên loài <i>Euploea mulciber mulciber</i>	Tác giả Cramer
--------------	---	----------------

Tên tiếng Việt Bướm đốm xanh lớn	Tên tiếng Anh Striped blue crow
----------------------------------	---------------------------------

Bướm đực có màu nâu đen. Cánh trước biếc xanh ở ngọn cánh, hai hàng đốm rời rạc sát bờ bên, vài đốm ở đỉnh cánh trắng xanh. Cánh sau nâu nhưng ở phần nửa cánh sau. Bướm cái rất khác bướm đực. Các sọc trắng mờ ở cánh trước, các đốm nhiều và trắng hơn, hàng đốm sát bờ rõ hơn. Cánh sau rất nhiều sọc mảnh trong các khoảng.

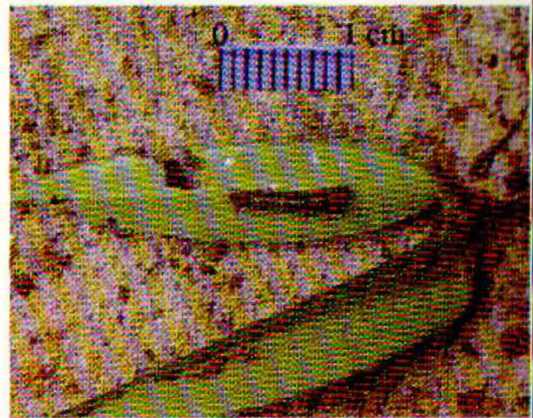


Sải cánh 90-100mm



- Dạng trước trưởng thành: Trứng màu vàng, hình cầu hơi cao đỉnh

đơn độc ở mặt dưới lá, sần màu vàng nhạt với các sọc màu xám và đen xen kẽ nhau ở vùng giữa thân sau các gai thịt. Trứng thu nhận được trên lá hà thủ ô – *Streptocaulon* sp.



- Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3).
Rừng Tân Phú: Trảng cỏ, ven đường mòn chính.


HỌ NYMPHALIDAE

Đây là một trong những họ lớn nhất của bướm với khoảng vài ngàn loài xuất hiện khắp thế giới. Kích thước thay đổi, sải cánh chỉ từ 25mm cho đến 130mm.

Màu sắc và hình dạng rất thay đổi, đặc điểm dễ nhận là chân số 1 bất toàn (thu ngắn lại, không dùng để đi). Ô cánh thường hở.


Trứng sâu có hình dạng rất thay đổi. Sâu có tư dạng gai phân nhánh (gai Scoli), đầu và đuôi đôi khi có sừng nhọn (mấu nhọn). Sâu ăn trên lá nhiều họ cây khác nhau: Mimosoideae, Convolvulaceae... Nhộng cũng rất thay đổi. Tuy nhiên phần lớn nhộng có gờ với những mấu dạng gai nhọn.



Họ NYMPHALIDAE	Tên loài <i>Acraea violae</i>	Tác giả Fabricius
Tên tiếng Việt Bướm đỏ	Tên tiếng Anh Tawny Coster	
<p>Bướm có màu vàng cam. Ở cánh trước, bờ ngoài cánh tô đen nhạt, các đốm tập trung trong ô cánh. Cánh sau, bờ ngoài tô đen sậm, các đốm đen nhỏ nằm rải rác ở vùng giữa cánh, một hàng đốm trắng chạy dọc theo bờ cánh. Mặt trên và mặt dưới không khác biệt mấy.</p> <ul style="list-style-type: none"> Dạng trước trưởng thành: Trứng màu vàng chanh, tròn đều, gắn thành mảng ở mặt dưới lá, số lượng trứng lớn, có thể lên tới 60 trứng. Sâu dài 30-35mm, hình trụ ốm dài, màu nâu đỏ. Sâu ăn lá họ Passifloraceae. Mẫu thu được trên lá <i>Passiflora foetida</i>. Nhộng dài 25-30mm, màu hồng nhạt, có hai vệt màu đen chạy dọc bụng. Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). Từ Srilanca và Ấn Độ đến Mianma, Thái Lan và Đông Dương. <p>Rừng Tân Phú: Trắng cỏ, ven đường mòn chính.</p>		
Tháng thường gặp 3 - 10	Giờ thường gặp 9h - 15h	Môi trường sống 



Sải cánh 50-60 mm



Họ NYMPHALIDAE	Tên loài <i>Ariadne ariadne pallidior</i>	Tác giả Fruhstorfer
Tên tiếng Việt Bướm lông mượt	Tên tiếng Anh The Angled Castor	
<p>Ở bướm đực, bờ bên cánh có dạng răng cưa rõ. Nền cánh bướm màu nâu vàng với nhiều đường gợn sóng song song với bờ bên cánh. Bờ trước cánh trước, gần ngọn cánh có một đốm trắng.</p> <p>Bướm cái tương tự bướm đực, nền cánh vàng hơn, các đường gợn sóng rõ hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> Dạng trước trưởng thành: Sâu non ăn lá một số cây thuộc họ Thầu dầu (Euphorbiaceae). Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Trắng cỏ, ven đường mòn chính.</p>		
Tháng thường gặp 5 - 8	Giờ thường gặp 11h - 14h	Môi trường sống 

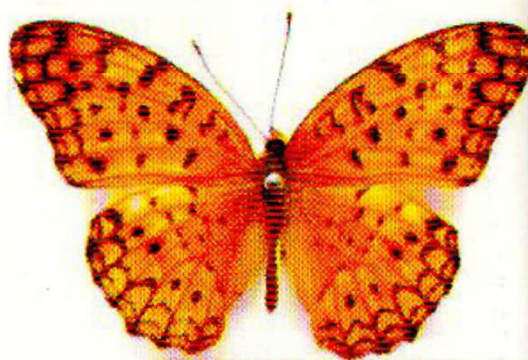


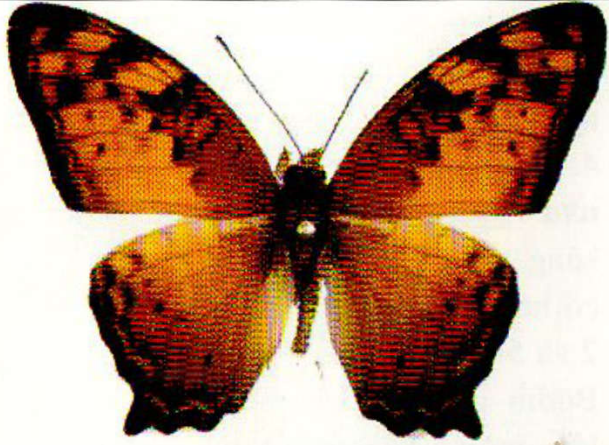

Sải cánh 50-60 mm


Họ NYMPHALIDAE	Tên loài <i>Cupha erymanthis</i>	Tác giả Sulzer
Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh Rustic	
<p>Ở bướm đực, bờ bên cánh hơi gợn sóng, nền cánh bướm màu nâu sậm. Ngọn cánh trước đen. Băng giữa cánh màu vàng không đều với vài điểm đen. Vùng giữa cánh sau có nhiều đốm đen xếp thành hàng bên cạnh các đường gợn sóng. Không rõ về bướm cái.</p>		
	<p>Sải cánh 55-60 mm</p> <ul style="list-style-type: none"> Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. Phân bố: Vùng Indo-Malaya và Australia. Rừng Tân Phú: Ven suối, rừng hỗn giao. 	
Tháng thường gặp 1 & 6 - 12	Giờ thường gặp 10h - 14h	Môi trường sống 



Họ NYMPHALIDAE	Tên loài <i>Phalanta phalanta</i>	Tác giả Drury
Tên tiếng Việt Bướm da báo	Tên tiếng Anh Leopard Butterfly	
<p>Bướm đực có bờ cánh hơi gợn sóng. Nền cánh màu vàng cam, ngọn cánh sậm màu hơn, với nhiều đốm đen tập trung ở vùng giữa cánh và trong ô cánh. Các đốm đen sát bìa cánh có dạng hình liềm và nối với nhau tạo thành một vòng bao quanh bờ cánh. Chưa rõ về bướm cái.</p>		
	<p>Sải cánh 45-50mm</p> <ul style="list-style-type: none"> Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. Phân bố: 5. Rừng Tân Phú: Trảng cỏ, ven đường mòn chính vào phân trường 4. 	
Tháng thường gặp 4 - 9	Giờ thường gặp 10h - 14h	Môi trường sống 



Họ NYMPHALIDAE	Tên loài <i>Vargrans egrista</i>	Tác giả Cramer
Tên tiếng Việt Bướm đuôi	Tên tiếng Anh The Vagrant	
<p>Bướm đực có bờ cánh trước phẳng, bờ cánh sau hơi gợn sóng, có đuôi ngắn ở ngọn gân số 4. Nền cánh màu vàng cam. Bìa cánh đen, sát bờ bên có đường gợn sóng màu vàng và một hàng chấm đen.</p> <p>Không rõ về bướm cái.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya và Australia. <p>Rừng Tân Phú: Rừng hỗn giao.</p>		
Sải cánh 50-60 mm		
Tháng thường gặp 5 – 10	Giờ thường gặp 10h – 14h	Môi trường sống 

Họ NYMPHALIDAE	Tên loài <i>Vindula erota</i>	Tác giả Fabricius
Tên tiếng Việt Bướm giáp lớn	Tên tiếng Anh Cruiser	
<p>Bướm đực có bìa cánh hơi gợn sóng. Bờ cánh sau có đuôi cánh ở ngọn gân số 4. Đuôi cánh to và tròn hơn <i>Vindula dejone</i>. Nền cánh màu đỏ cam, các đường gợn sóng đen rõ. Vùng giữa cánh nhạt hơn. Cánh sau có hai đốm mắt ở khoảng 2 và 5.</p> <p>Bướm cái có kích thước lớn, màu xám tím. Vùng giữa cánh trắng bạc.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Dạng trước trưởng thành: Chưa rõ. • Phân bố: Vùng Indo-Malaya (3). <p>Rừng Tân Phú: Trảng cỏ, ven đường mòn chính.</p>		
Sải cánh 80-95mm		
Tháng thường gặp cả năm	Giờ thường gặp 9h – 15h	Môi trường sống 